

## VỀ TRẬT TỰ CỦA MỘT SỐ TỪ GHÉP TRONG TIỂU NHÓM NGÔN NGỮ NAM BAHNAR

Lê Khắc Cường

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Hoạt động ngôn ngữ gắn chặt với các hợp phần văn hoá của một cộng đồng, và là thành tố cơ bản của một nền văn hoá. Ngôn ngữ thể hiện đặc trưng của nền văn hoá và là điều kiện cho tư duy hoạt động. Nhờ có ngôn ngữ, thực tại được chia cắt thành khái niệm mà cái biểu hiện của nó là các từ, ngữ. Chính từ, ngữ đã cố định hoá ý tưởng về thực tại của con người vào các khái niệm cụ thể. Chính vì vậy, có thể nói ngôn ngữ là bức tranh văn hoá đa sắc, là hiện thân của nền văn hoá của một tộc người. Bài viết nêu những nét tương đồng lẫn dị biệt giữa cấu trúc từ ghép đồng đẳng trong các ngôn ngữ thuộc nhóm Nam Bahnar với tiếng Việt. Đây là những ví dụ rất thú vị cho thấy những đặc trưng văn hoá đã được thể hiện như thế nào qua tấm gương ngôn ngữ.

**Từ khóa:** ngôn ngữ nam Bahnar, bức tranh văn hóa, Tây Nguyên, Đông Nam bộ

1. Theo tạp chí *Ethnologue - Languages of the World* của Summer Institute of Linguistics, ấn bản XVI (2009), tiểu nhóm ngôn ngữ Bahnar bao gồm các ngôn ngữ Stiêng, Koho, Mnông, Chrau, Mạ. Tiểu nhóm này thuộc họ ngôn ngữ Nam Á, chi Môn-Khmer, nhánh Đông Môn-Khmer, nhóm Bahnar [5]. Đây là những ngôn ngữ có vai trò quan trọng tại Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, với số lượng người nói gần 400.000 người. Các ngôn ngữ này có số lượng người nói đồng thứ hai, chỉ sau tiếng Việt, tại các tỉnh Lâm Đồng (tiếng Koho), Bình Phước (tiếng Stiêng), Đắc Lắc và Đắc Nông (tiếng Mnông), Chrau Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu (tiếng Chrau). Người Stiêng có dân số khoảng 80.000 người, cư trú chủ yếu tại tỉnh Bình Phước, số còn lại sinh sống tại các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu,

Đồng Nai,... Người Koho có dân số trên 130.000 người, cư trú chủ yếu tại Lâm Đồng, Bình Phước, Đắc Lắc, Đắc Nông,... Người Mnông có 100.000 người sinh sống tại Đắc Lắc, Đắc Nông, Lâm Đồng,... Dân số Chrau khoảng 25.000 người, sinh sống ở Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước. Người Mạ có khoảng 33.000 người, sinh sống chủ yếu tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắc Lắc.

2. Về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn hoá và tư duy, Edward Sapir (1884-1930) cho rằng hoạt động ngôn ngữ gắn chặt với các hợp phần văn hoá của một cộng đồng, và là thành tố cơ bản của nền văn hoá. Cấu trúc ngôn ngữ là một cấu trúc mang dấu ấn của tư duy. Ngôn ngữ thể hiện đặc trưng của nền văn hoá, nó tổ chức và là điều kiện cho tư duy hoạt động. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy được quan

niệm giống như mối quan hệ giữa cái biểu hiện; trong đó, tư duy là cái được biểu hiện còn ngôn ngữ là cái biểu hiện. Nhờ có ngôn ngữ, thực tại được chia cắt thành khái niệm mà cái biểu hiện của nó là các từ, ngữ. Chính từ, ngữ đã cố định hoá ý tưởng về thực tại của con người vào các khái niệm cụ thể. Chính vì vậy, có thể nói ngôn ngữ là bức tranh văn hoá đa sắc, là hiện thân của nền hoá của một tộc người.

Ý nghĩa của từ, ngữ chính là sự phản ánh hiện thực một cách đặc biệt qua ý thức của con người với tư cách là đại biểu của một cộng đồng văn hoá – ngôn ngữ xác định. Bên cạnh những nét chung, sự phản ánh hiện thực khách quan của một tộc người thông qua hệ thống ý nghĩa của từ, ngữ không thể không mang dấu ấn riêng, phản ánh đặc điểm riêng của hoạt động thực tiễn và hoạt động giao tiếp ở mỗi dân tộc. Đó là những khái niệm được kinh nghiệm lịch sử của một dân tộc tạo ra phù hợp với điều kiện sống, nền văn hoá và xã hội của dân tộc đó.

Khi khảo sát các ngôn ngữ thuộc tiểu nhóm Nam Bahnar về mặt từ ngữ, chúng tôi nhận thấy có những nét tương đồng lẫn những nét dị biệt với tiếng Việt trong cấu tạo từ ghép. Đây là những ví dụ rất thú vị cho thấy những đặc trưng văn hoá đã được thể hiện như thế nào qua tấm gương ngôn ngữ.

3. Như chúng ta đã biết, văn hoá Việt Nam trước khi nhà Hậu Lê lấy Nho giáo làm quốc giáo thì về cơ bản vẫn là lớp văn hoá mang đậm dấu ấn bản địa Nam Á. Nằm trong khu

vực nông nghiệp tiêu biểu mà nhiều học giả phương Tây gọi là “xứ sở mẫu hệ” (le Pays du Matriarcat), người phụ nữ các tộc người Việt Nam là người quản lý kinh tế, tài chính; ở một số tộc người, người phụ nữ có quyền ra quyết định trong gia đình. Nữ “cưới/bắt chồng”. Con lấy họ mẹ [2]. Điều này đã được phản ánh rõ nét trong ngôn ngữ.

Từ *cái*, vốn có nghĩa là “mẹ, nữ” (con đại *cái* mang, Bó *cái* đại vương, *cây (cái)* giông<sup>1</sup>) đã chuyển nghĩa thành “quan trọng, chủ yếu, lớn” trong các từ ghép chính phụ (đường *cái*, sông *cái*, cột *cái*, ngón (tay, chân) *cái*,...).

Giống như tiếng Việt, các từ *mê/may* “mẹ”, *ina* “(giống) cái” trong các ngôn ngữ Nam Bahnar cũng được chuyển nghĩa thành “lớn, quan trọng, chủ yếu” trong khá nhiều từ ghép chính phụ; chẳng hạn:

*jrông mê/may* (Mnông, Stiêng), *gâng mê* (Koho, Mạ), *nrâng mê* (Chrau) “cột cái, cột chính”;

*gung mê/may* (Koho, Chrau, Mnông, Mạ), *trong mê* (Stiêng, Mnông) “đường cái”;

*da/daq/dak mê/may* (Koho, Mạ, Mnông, Stiêng, Chrau) “sông cái”;

*sogâr/son-gâr/son-gor mê/may* (Koho, Mnông, Stiêng, Chrau, Mạ) “trồng cái, trồng đại”;

*gong ina, gong mê/may* (Mnông, Stiêng, Chrau), *mông ina, môn /mê/may* (Koho, Mạ) “chiêng cái” (chiêng lớn nhất trong bộ chiêng);

<sup>1</sup> “Vợ chồng”, theo phương ngữ Bắc Trung Bộ.

*cing ina, cing mê/may* (Mnông, Stiêng, Chrau, Koho, Mạ) “công cái” (công lớn nhất trong bộ công);

*ktay mê* (Koho, Mạ), *kon ti mê* (Stiêng, Mnông), *ti mê* (Chrau) “ngón tay cái”;

*jâng mê* (Koho, Chrau, Mạ), *kon jâng mê/may* (Stiêng, Mnông), “ngón chân cái”.

4. Trong các từ ghép đồng đẳng, tiếng Việt hiện đại có cấu tạo theo trật tự phổ biến “nam trước nữ sau”, “dương trước âm sau” phản ánh cấu trúc xã hội theo chế độ phụ quyền và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của quan niệm “nam tôn nữ ti” của Nha giáo như: *đực cái, trống mái, trai gái, nam nữ, ông bà, bố/ba/cha mẹ, chú thím, cậu mợ, anh chị; trời đất, nóng lạnh, cay đắng, đỏ đen, ngày đêm, cao thấp, chày cối, Đông Tây, Nam Bắc,...* Một số thành ngữ, yếu tố dương cũng được nhấn mạnh như *năm cha ba mẹ, ba mặt một lời, năm điều ba chuyện, ăn ba hột, nói ba điều, tam sao thất bản,...* Trật tự “nữ trước nam sau”, “âm trước dương sau” cũng có nhưng số lượng ít hơn: *vợ chồng, cô cậu, cô chú, dì dượng,...*; *chua cay, âm dương, chẵn lẻ, vuông tròn, đen trắng*<sup>2</sup>. Như vậy, đối với các từ ghép đẳng lập trong tiếng Việt, từ càng cổ, khả năng yếu tố “âm” đứng trước hoặc được nhấn mạnh càng cao. Ngoài từ, trong tiếng Việt còn có hàng loạt tục ngữ, thành ngữ nêu lên tầm quan trọng của phụ nữ trong xã hội (*Nhất vợ nhì trời, Lệnh ông không bằng công*

<sup>2</sup> Những từ ghép có trật tự “dương - âm” ra đời muộn, khi mà Nho giáo xác lập được vị trí quốc giáo của nó cuối đời Trần, đầu đời Tiền Lê (thế kỷ XV).

*bà, Con thì nạ, cá thì nước, Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà,...*);

Trong các ngôn ngữ thuộc tiểu nhóm Nam Bahnar, đại đa số (hơn 90% các từ ngữ theo thống kê của chúng tôi) các từ ghép đồng đẳng đều có kiểu cấu trúc “âm trước dương sau” giống với cấu trúc từ ghép đẳng lập của tiếng Việt cổ. Sở dĩ có hiện tượng này vì các tộc người nói các ngôn ngữ này hầu hết đều theo chế độ mẫu quyền (Mnông, Koho, Chrau, nhóm Stiêng Bu Lơ<sup>3</sup>), hoặc chỉ mới chuyển qua chế độ phụ quyền chưa lâu (Mạ, nhóm Stiêng Bu Deh).

Người Koho ở Lâm Đồng có câu tục ngữ phản ánh thân phận của người con trai “sang ngang” theo tập tục “bắt chồng” theo chế độ mẫu hệ như sau:

*Om ma ruh cil cao,*

*Om ma bao cil ndiq.*

(Ồ với chị làm người

Ồ với vợ làm tôi tớ).

Ngay trong xã hội người Mạ, người Stiêng Bu Deh, dù theo quan hệ phụ quyền, nhưng quan hệ thị tộc mẫu hệ vẫn còn thể hiện khá

<sup>3</sup> Người Stiêng gồm 2 nhóm chính: Người Stiêng Bu Lơ cư trú ở các vùng cao thuộc các huyện Phước Long, Bù Đăng, Bù Đốp, ... trồng lúa nước, có kinh tế phát triển hơn, vẫn theo chế độ mẫu quyền. Người Stiêng Bu Deh cư trú ở các vùng thấp thuộc các huyện, thị Lộc Ninh, Bình Long, Đồng Phú, ... Người Stiêng Bu Lơ cư trú ở vùng cao thuộc các huyện Phước Long, Bù Đăng, Bù Đốp, ... làm lúa nương, rẫy và mới chuyển sang chế độ phụ quyền chưa lâu.

đậm nét trong toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội cũng như trong các mối quan hệ cộng đồng. Ở người Stiêng Bu Deh, vợ thường cư trú bên nhà chồng nhưng khi cưới vợ, chú rể phải nộp cho nhà vợ nhiều vật phẩm có giá trị cao khi rước vợ đi, hôn nhân con cô con cậu<sup>4</sup> còn phổ biến,...

Như đã nói, trong các ngôn ngữ Nam Bahnar, từ ghép đồng đẳng có trật tự “nữ trước nam sau”, “âm trước dương sau” chiếm số lượng áp đảo:

- Trong các từ ghép đồng đẳng chỉ các mối quan hệ trong gia đình:

*meq baq* (Chrau), *mò ông* (Koho), *muq ông* (Mnông), *yăq yau* (Stiêng), “bà ông”;

*mê/may bop/bep/bap* (Koho, Mnông, Chrau), *mây mom* (Stiêng) “mẹ bố”;

---

<sup>4</sup> *Tức hôn nhân anh chị em họ chéo, hôn nhân của người con trai với con gái cậu (anh trai hoặc em trai mẹ), hay với con gái cô (chị gái hoặc em gái bố). Đây là hình thái hôn nhân chủ yếu của xã hội thị tộc, bảo đảm cho hai vợ chồng được thuộc hai thị tộc khác nhau theo chế độ ngoại hôn lưỡng hợp. Trong trường hợp hôn nhân với con gái cậu thì cùng với quan hệ cậu cháu, còn thêm quan hệ bố vợ chàng rể. Nếu là hôn nhân với con gái cô thì ngoài quan hệ cô cháu, còn có quan hệ mẹ vợ, chàng rể. Có trường hợp như trong hệ thống thân tộc Kariora, bộ lạc ở Tây Bắc Australia, luật tục quy định tìm vợ trong số chị em họ chéo một người phụ nữ vừa là con gái cậu, vừa là con gái cô. Hôn nhân con cô con cậu còn được duy trì dưới dạng tàn dư trong các xã hội có giai cấp. Hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam (một số rất ít dân tộc) vẫn còn tập tục này (theo Từ điển Bách khoa Toàn thư Việt Nam).*

*bao ur bao klau/klô* (Koho), *sai ur sai klau/klô* (Stiêng, Mnông), *so-ur so-klô* (Chrau) “vợ chồng”;

*ruh mi* (Mnông, Koho, Mạ); *bi ur bi klau/ur klau* (Stiêng) “chị anh”;

*uôi/uay kôn/kunh* (Stiêng, Koho, Mạ, Chrau, Mnông) “mợ cậu”;

*may oq bap oq* (Mnông, Koho), *têh dêq* (Stiêng, Chrau) “đì dượng”.

- Trong các từ ghép đồng đẳng khác:

*ur klau/klô* (Koho, Stiêng, Chrau), *u ur tlâu* (Mnông) “gái trai”;

*mê kuăng* (Koho, Stiêng, Mnông), *u ur kokuăng* (Mnông), *băng kuăng* (Chrau) “cái đực”;

*băng kuăng* (Stiêng, Mnông, Chrau, Koho) “mái trống”;

*teh trôk/trôq/truk* (Stiêng, Koho, Mạ, Chrau, Mnông) “đất trời”;

*măng nar* (Koho, Mạ, Mnông, Stiêng, Chrau) “đêm ngày”;

*mpal dnay* (Koho), *mpal rnay* (Stiêng, Mnông), *lapăl mbay* (Chrau) “cối chày”;

*mi/miu/mih prăng* (Koho, Mạ, Mnông, Stiêng, Chrau) “mưa nắng”

*trip le* (Mnông), *têh rai* (Stiêng, Chrau) “chăn lợn”;

*jrung lăm* (Stiêng), *vul ndrom* (Mnông) “vuông tròn”;

*duc/juq bôk* (Mnông), *nôc klang* “đen trắng”.

5. Các kết cấu từ ghép trong các ngôn ngữ Nam Bahnar còn ít, một số chưa định hình do dạng tồn tại chủ yếu của các ngôn ngữ Koro, Mnông, Stiêng, Chrau hiện nay vẫn là ngôn ngữ nói. Các kết cấu này cũng thiếu ổn định do sự tiếp xúc, giao thoa, đan xen giữa các phương ngữ trong một ngôn ngữ, giữa các ngôn ngữ trong cùng một nhóm, đặc biệt là giữa các ngôn ngữ Nam Bahnar với tiếng Việt,... Tuy thế, chúng tôi nhận thấy hầu hết những từ ghép đồng đẳng mà chúng tôi khảo sát đều theo trật

tự “âm trước dương sau”, và theo ý kiến của người bản ngữ, trật tự này gần như là cố định. Cách cấu tạo này giúp ta có một cái nhìn về nguyên tắc tổ chức cộng đồng của các dân tộc đang sống theo quan hệ thị tộc mẫu hệ hoặc vừa mới rời mối quan hệ này chưa bao lâu; ngoài ra, nó còn cho thấy quan niệm về âm dương không chỉ có ở những dân tộc, cộng đồng phát triển mà là một cách đánh giá, chia cắt hiện thực khá phổ biến của nhiều dân tộc trên thế giới.

## ABOUT THE ISSUE OF WORD ORDER OF SOME COMPOUND NOUNS IN THE SOUTH BAHNAR SUB GROUP

Lê Khắc Cường

University of Social Science of Humanities, VNU-HCM

**ABSTRACT:** *Language activities are closely connected to cultural components of a community. They are elements of a culture. Language is characteristic of a culture, and is the requirements for thinking activities to take place. Thanks to language, reality is divided into the concept that is expressed through words and phrases. It is words and phrases that fix ideas about the reality of humans into specific concepts. Therefore, we can say that language is multi-colored paintings of culture, and an embodiment of ethnic culture. The paper mentions the similarities and differences between the structure of coordinated compound nouns in the languages belonging to the South Bahnaric sub group and that of Vietnamese. These are very interesting examples illustrating how cultural characteristics have been shown by the mirror of language.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình Ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [2]. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, in lần thứ ba, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
- [3]. Lương Duy Thứ (cb) - Phan Thu Hiền - Phan Nhật Chiêu, *Đại cương văn hoá phương Đông*, Nxb Giáo dục, 1996.
- [4]. Hoàng Tuệ, *Ngôn ngữ và đời sống xã hội - văn hoá*, Nxb Giáo dục, 1996.
- [5]. Ethnologue - Languages of the World, <http://www.sil.org/>.